

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 101/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 28-9-2023.

“V/v Ly hôn giữa chị Lê Thị Mỹ X
và anh Nguyễn Văn T”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

2. Bà Nguyễn Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2022/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 3 năm 2022, về “Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn; Tranh chấp hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214A/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 8 năm 2023, và Quyết định hoãn phiên tòa số 153/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỹ X, sinh năm 1985; Số 224, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Chị X vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H - Luật sư của Văn phòng Luật sư M thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp. Ông H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 224, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Anh T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Lê Thị Mộng T, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 11/3 A, Phường 1, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị T vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do.

2/ Anh Phan Quốc H, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 371 khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Anh H vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do.

3/ Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L, tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ: Quốc lộ 80 khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L là ông Đặng Trường S - Chức vụ Giám đốc Chi nhánh. Ông S là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N. Ông S vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

4/ Anh Lê Minh C, sinh năm 1980; địa chỉ: Khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Anh C vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/12/2021, các văn bản trình bày ý kiến đề ngày 04/7/2022, và ngày 27/9/2023 nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ X trình bày:

Chị X và anh T được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2007, đến ngày 21/3/2007 chị X và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23, ngày 21/3/2007. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do chưa tìm hiểu kỹ trước khi kết hôn, về sau quá trình sống chung nảy sinh nhiều bất đồng về quan điểm sống, anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị X nhiều lần bắt gặp, khuyên can nhưng anh T vẫn không thay đổi. Đến đầu năm 2021, vợ chồng chị X, anh T thật sự không còn chung sống với nhau. Hiện nay, chị X xác định vợ chồng không thể tiếp tục sống chung do mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc.

Quá trình sống chung chị X và anh T không có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Anh T, sinh ngày 17/02/2008 và cháu Nguyễn Cao Kỳ D, sinh ngày 24/11/2020. Hai con chung có sức khỏe về tinh thần và thể chất bình thường. Từ khi vợ chồng chị X và anh T không còn chung sống thì hai con chung đang sống cùng và do chị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Quá trình sống chung, vợ chồng có các tài sản chung là: Quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 155, 138, 82 cùng tờ bản đồ số 57, đất trồng lúa, tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp do anh Nguyễn Văn T đứng tên quyền sử dụng; căn nhà cấp 4 (nhà chính, mé trái, sân tráng xi măng, rào lưới B40); 130 cây xoài 4 năm tuổi đang cho trái được xây dựng và trồng trên thửa đất số 155 và 138. Nguồn gốc của 03 thửa đất này là của cha mẹ ruột của anh T cho vợ chồng anh T và chị X từ khi cưới nhau. Sau khi cưới nhau, vợ chồng chị X anh T sống chung với cha mẹ ruột của anh T. Cả 03 thửa đất này do vợ chồng anh T và chị X quản lý sử dụng từ khi cưới nhau năm 2007 đến nay. Hiện các thửa đất số 155, 138, 82 cùng tờ bản đồ số 57 do anh T và chị X trực tiếp sử dụng, canh tác thu hoa lợi để nuôi con, mua vật dụng trong nhà, và trả nợ. Tuy nhiên, quyền sử dụng thửa đất số 155, 138 cùng tờ bản đồ số 57, anh T và chị X đã thế chấp tại Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L để vay 200.000.000 đồng từ năm 2022 đến nay vẫn chưa xóa chấp. Về Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 82 tờ bản đồ số 57 chị X đang giữ ở nhà, không thể chấp hay cầm cố tại cá nhân, tổ chức nào.

Về nợ chung:

- Lúc khởi kiện vợ chồng chị X và anh T còn nợ chị Lê Thị Mộng T, sinh năm 1987; địa chỉ số 11/3 A, Phường 1, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 30.000.000 đồng. (Ba mươi triệu đồng). Đến nay đã trả được 15.000.000 đồng. Hiện nay chỉ còn nợ chị T là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

- Lúc khởi kiện vợ chồng chị X và anh T còn nợ anh Lê Minh C, sinh năm 1980; địa chỉ: Khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp số tiền 75.000.000 đồng. (Bảy mươi lăm triệu đồng). Đến nay, vợ chồng chị X và anh T đã trả dứt nợ cho anh C, nên không còn nợ anh C.

- Hiện tại vợ chồng chị X và anh T còn nợ anh Phan Quốc H, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 371 khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp số tiền 30.000.000 đồng. (Ba mươi triệu đồng).

- Tính đến ngày 07/4/2023 vợ chồng chị X và anh T còn nợ Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L số tiền nợ gốc 198.000.000 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu đồng) và số tiền nợ lãi là 2.685.000 đồng. Tổng cộng là 200.685.000 đồng (Hai trăm triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ X yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về nuôi con chung: chị X yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Anh T, sinh ngày 17/02/2008 và Nguyễn Cao Kỳ D, sinh ngày 24/11/2020, hiện hai con chung đang sống với chị X. Chị X yêu cầu anh T có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho mỗi người con cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị X còn yêu cầu chia tài sản chung nêu trên và chia đôi khoản nợ của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L, chị X yêu cầu chia đôi, chị X và anh T mỗi người có nghĩa vụ trả nợ gốc 99.000.000 đồng (Chín mươi chín triệu đồng) và tiền lãi trên số tiền nợ gốc mà mỗi người có nghĩa vụ trả.

Tuy nhiên đến ngày 27/9/2023 chị X có văn bản trình bày ý kiến về việc rút phần yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung khi ly hôn, mà để các bên tự thỏa thuận. Chị X yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị X ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Chị X yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Tuấn và cháu Duyên và yêu cầu anh T có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi hai cháu hằng tháng từ tháng 10/2023 cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, với mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết vì đã thỏa thuận được với nhau. Chị X xin vắng mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Nguyễn Văn Hiếu cũng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Nội dung ý kiến của anh Nguyễn Văn T trong văn bản trình bày ý kiến đề ngày 04/7//2022 được thay đổi bằng nội dung ý kiến của anh T được ghi nhận trong bảng trình bày ý kiến ngày 27/9/2023. Theo đó, anh T thống nhất với lời trình bày của chị X về mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Cụ thể:

- Về hôn nhân, chị X yêu cầu ly hôn với anh T, anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị X.

- Về con chung: Anh T cũng đồng ý giao hai con chung và thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng hằng tháng theo quy định pháp luật cho hai con chung từ tháng 10/2023 đến khi các con tròn 18 tuổi, có khả năng lao động.

- Về tài sản chung: Anh T thống nhất vợ chồng có tài sản chung như chị X trình bày ở trên, anh T cũng thống nhất với chị X sẽ tự thỏa thuận chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T cũng thống nhất sẽ thỏa thuận với chị X về việc chia đôi khoản nợ chung tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Lấp Vò, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T cũng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Mộng Trinh, anh Phan Quốc Hưng và anh Lê Minh C đều có văn bản trình bày ý kiến thống nhất không yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng vay với vợ chồng chị X anh T trong vụ án này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L, tỉnh Đồng Tháp có yêu cầu độc lập về việc tranh chấp hợp đồng vay với chị X và anh T. Nhưng đến ngày 28/9/2023, Ngân hàng có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc buộc chị X và anh T trả nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 6511LAV202202150 và không yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng thế chấp đã giao kết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định về thụ lý, giải quyết vụ án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng các quy định về xét xử sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng nguyên đơn thực hiện đầy đủ bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Căn cứ nội dung vụ án và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa, xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị X và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được, vợ chồng sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị X yêu cầu ly hôn, anh T cũng đồng ý. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị X. Về hôn nhân: Cho chị X được ly hôn với anh Nguyễn Văn T; Về con chung: Giao 02 con chung cho chị X tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con theo quy định; Tài sản chung, nợ chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của chị X; do anh T cũng không yêu cầu và Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L, tỉnh Đồng Tháp rút toàn bộ yêu cầu độc lập nên đình chỉ, không xem xét việc chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn và tranh chấp hợp đồng vay trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Lê Thị Mỹ X xin ly hôn anh Nguyễn Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị X và anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do anh T có địa chỉ thường trú tại huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với chị X là nguyên đơn, anh T là bị đơn và những người liên quan đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng chị X, anh T, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông Nghiệp và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và những đương sự còn lại vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại các Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Khi thụ lý vụ án, và trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thụ lý yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung khi ly hôn theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là chị Lê Thị Mỹ X, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị X có văn bản rút lại yêu cầu về chia tài sản chung và nợ chung khi ly hôn với anh T. Đối với người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L, tỉnh Đồng Tháp có yêu cầu độc lập về việc tranh chấp hợp đồng vay với chị X và anh T, nhưng đến ngày 28/9/2023, Ngân hàng có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc buộc chị X và anh T trả nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 6511LAV202202150 và không yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng thế chấp đã giao kết.

Xét thấy việc rút lại yêu cầu của chị X và Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, anh T cũng không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn, nên Tòa án đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn của nguyên đơn và đình chỉ yêu cầu độc lập của người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L, tỉnh Đồng Tháp về việc tranh chấp hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp là phù hợp với nguyên tắc đương sự có quyền quyết định và tự định đoạt và phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Việc chị Lê Thị Mỹ X và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 21/3/2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Lấp Vò, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp có Giấy chứng nhận kết hôn số 23 của Ủy ban nhân dân thị trấn Lấp Vò là chứng cứ chứng minh. Vì thế, có đủ cơ sở để xác định việc đăng ký kết hôn của chị X và anh T đã đảm bảo các điều kiện kết hôn và tuân thủ quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm đăng ký kết hôn, nên được Tòa án công nhận là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”

Tuy nhiên, sau khi cưới chị X và anh T sống chung hạnh phúc một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu nhau, nên thường xuyên mâu thuẫn. Nay do không còn tình cảm với anh T nên chị X đã thực hiện quyền yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình. Anh T cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị X.

Từ đó, xác định chị X và anh T đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định nêu trên đã đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ X để cho vợ chồng chị X và anh T ly hôn là phù hợp với quy tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị X và anh T thống nhất có hai con chung Chị X yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là cháu T và D. Anh T cũng đồng ý, hiện 02 (hai) con chung là cháu T và D do chị X trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị X về nuôi con chung. Cụ thể giao 02 (hai) con chung là Tuấn và Duyên cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật, có xem xét đến nguyện vọng của các con và đảm bảo được sự ổn định về điều kiện sống của các cháu.

Chị X yêu cầu anh T nghĩa vụ đóng góp chi phí (cấp dưỡng) nuôi 02 (hai) con chung là cháu T và D cùng chị X hằng tháng theo quy định pháp luật và anh T cũng đồng ý và tự nguyện đóng góp (cấp dưỡng) chi phí nuôi hai con chung cùng chị X từ tháng 10/2023, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 81; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn được quy định tại Điều 82; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau ly hôn được quy định tại Điều 83; Về quyền và căn cứ yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình..

[4] Về chia tài sản: Do chị Lê Thị Mỹ X tự nguyện rút một phần yêu cầu về chia tài sản chung và anh Nguyễn Văn T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của nguyên đơn và không xem xét.

[5] Về nợ chung: Do chị Lê Thị Mỹ X tự nguyện rút một phần yêu cầu về nợ chung và anh Nguyễn Văn T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của nguyên đơn và không xem xét.

[6] Do những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Mộng Trinh, anh Phan Quốc Hưng, anh Lê Minh C không yêu cầu tranh chấp gì trong vụ án này nên không xem xét.

[7] Do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L, tỉnh Đồng Tháp rút toàn bộ yêu cầu độc lập về việc tranh chấp hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp với chị X và anh T nên Hội đồng xét xử đình chỉ.

[8] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[9] Về chi phí tố tụng: gồm chi phí xem xét thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp là 13.439.000 đồng (Mười ba triệu, bốn trăm ba mươi chín nghìn đồng) do chị X nộp tạm ứng, đã chi xong.

[10] Về án phí: Chị Lê Thị Mỹ X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình đối với yêu cầu ly hôn, anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Do đình chỉ xét xử về yêu cầu về chia tài sản chung khi ly hôn của chị X nên chị X, anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu chia tài sản chung, hoàn trả tạm ứng án phí về chia tài sản chung cho chị X.

Do đình chỉ xét xử về yêu cầu độc lập về việc tranh chấp hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp nên Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L, tỉnh Đồng Tháp không phải chịu án phí dân sự, hoàn trả tạm ứng án phí lại cho Ngân hàng.

[11] Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo thực hiện theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Các điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Mỹ X và anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung:

Giao 02 (hai) con chung tên Nguyễn Anh T, sinh ngày 17/02/2008 và cháu Nguyễn Cao Kỳ D, sinh ngày 24/11/2020 cho chị Lê Thị Mỹ X tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng (hiện cháu Tuấn và cháu D đang do chị X trực tiếp nuôi dưỡng).

Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) chi phí nuôi 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Anh T và cháu Nguyễn Cao Kỳ D mỗi tháng là nửa tháng lương cơ sở cho mỗi cháu. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2023 cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi.

Người trực tiếp nuôi con và các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người không trực tiếp nuôi không được lạm dụng việc chăm nom gây khó khăn, cản trở việc trực tiếp chăm sóc giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Đình chỉ xét xử về yêu cầu về chia tài sản chung khi ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ X. Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Đình chỉ xét xử về yêu cầu về chia nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung) khi ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ X. Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L, tỉnh Đồng Tháp về việc tranh chấp hợp đồng vay: Ngân hàng yêu cầu buộc chị X và anh T trả nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 6511LAV202202150, ngày 30/5/2022 và yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng thế chấp số 194-2022/HĐBĐ, ngày 27/5/2022.

5. Về án phí:

Chị Lê Thị Mỹ X phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình về yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.552.000 đồng (*Mười một triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008620 ngày 07 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị X được nhận lại số tiền chênh lệch là 11.252.000 đồng (*Mười một triệu, hai trăm năm mươi hai nghìn đồng*)

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ cấp dưỡng. Anh T chưa nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- CC.THADS huyện L;
- UBND xã thị trấn L;
- (GCNKH số 23 ngày 21/3/2007)
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Hà Thị Mỹ Xuân